

Đồng thuận Washington

- Tự do thương mại: hạn chế thương mại được thay thế bằng thuế quan với mức thuế xuất từ 10 đến 20% trong 3 đến 10 năm
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài: các rào cản phải được xoá bỏ, doanh nghiệp nước ngoài và trong nước cạnh tranh bình đẳng.
- Tự nhân hoá: doanh nghiệp nhà nước nên được tự nhân hóa
- Giải điều tiết: bãi bỏ quy định làm cản trở sự gia nhập của cộng ty mới/ hạn chế cạnh tranh
- Quyền tài sản: quyền tư hữu, được thực thi bởi các quy định của pháp luật.

Nguồn: Williamson (ed) 1994

Đồng thuận Washington

- Kỷ luật tài chính: ngân sách thâm hụt $< 2\%$ GDP
- Chi tiêu công : tránh áp lực chính trị
- Cải cách Thuế : mở rộng cắt giảm thuế suất
- Tự do hóa tài chính: thị trường xác định lãi suất, giải điều tiết
- Tỷ giá: đủ sức cạnh tranh để tạo ra sự tăng trưởng nhanh trong xuất khẩu

Phê bình của Đồng thuận Washington

- Nhập khẩu thể chế một cách máy móc: bản sao các thể chế đã thành công trong nền kinh tế thị trường phương tây chưa chắc đã thành công tại các nền kinh tế khác.
- Đồng thuận Washington đã bỏ qua nhiều vấn đề quan trọng trong việc phát triển kinh tế của một quốc gia chuyển đổi như:
 - quản trị doanh nghiệp
 - Chống tham nhũng
 - Tính linh hoạt thị trường lao động
 - Các thỏa thuận gia nhập WTO

Phê bình của Đồng thuận Washington (2)

- bảo đảm an toàn tài chính
 - Mạng lưới an sinh xã hội
 - Mục tiêu xoá đói giảm nghèo
-
- “WC là một nỗ lực công khai để áp đặt ý thức hệ "chủ nghĩa tân tự do" và "trào lưu thị trường" đối với các quốc gia đang phát triển” Rodrik, 2006
 - Thất bại của cải cách sau WC ở Mỹ Latinh và tiểu Sahara châu Phi chứng minh về tính không phù hợp của chương trình cải cách theo WC.

“Đồng thuận Bắc Kinh”

- Sự khác biệt giữa hai mô hình chủ yếu là ở mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế.
- Mô hình “Đồng thuận Washington” cho rằng nhà nước can thiệp ở mức ít nhất có thể vào nền kinh tế.
- Ngược lại “Đồng thuận Bắc Kinh” nhấn mạnh vai trò chủ động của nhà nước; hơn là vai trò hàng đầu của thị trường;
- Đồng thuận Bắc Kinh duy trì vai trò của sở hữu nhà nước, sở hữu hỗn hợp; thử nghiệm các định chế khác nhau (Nếu sở hữu nhà nước thúc đẩy tăng trưởng thì vì sao phải tư nhân hoá? Nếu kiểm soát tài chính hữu hiệu trong huy động nguồn lực thì vì sao lại tự do hoá?).

Đồng thuận Seoul

"Thu hẹp khoảng cách phát triển và xóa đói giảm nghèo là mục tiêu không thể thiếu của G 20."

"Mục tiêu rộng lớn hơn là đạt được một cách mạnh mẽ, và cân bằng sự tăng trưởng bền vững và đảm bảo vững chắc tính đàn hồi của nền kinh tế toàn cầu"

Tuyên bố Toronto, Ngày 26-Ngày 27 tháng 6, 2010

Đồng thuận Seoul

- *tăng trưởng bền vững thu hẹp khoảng cách phát triển.*
- Toàn cầu hóa dựa trên phát triển đối tác bình đẳng.
- *Khuyến khích những cách cụ thể để kích thích và thúc đẩy dòng vốn tư nhân cho phát triển, kể cả bằng cách giảm rủi ro và cải thiện môi trường đầu tư và quy mô thị trường*
- không có "một cỡ vừa cho tất cả" công thức cho sự thành công của các nước phát triển và đang phát triển

Thần kỳ Đông Á: nhà nước chỉ đạo chủ nghĩa tư bản

- Nhà nước chuyển nguồn lực ra khỏi nhóm không hiệu quả chuyển đổi nhóm không hiệu quả sang lĩnh vực hiệu quả hơn.
- Nhà nước tạo ra “lợi tức” cao hơn thị trường bình thường thông qua các chính sách công nghiệp, để khuyến khích đầu tư vào các hoạt động mà chính phủ định hướng là quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế.
- Nhà nước bảo vệ các ngành công nghiệp từ các đối thủ cạnh tranh nước ngoài.
- Mức độ tiết kiệm, cả công cộng và tư nhân đều cao, tương tự là đầu tư công và đầu tư tư nhân.

Thần kỳ Đông Á: nhà nước chỉ đạo chủ nghĩa tư bản

- Chính sách tăng trưởng xuất khẩu
- Độ ổn định trật tự chính trị, nhà nước cam kết mạnh mẽ để khuyến khích thay đổi công nghệ, và một nhà nước quan liêu tương đối hiệu quả. Quan chức chính phủ có độ cam kết cao đối với phát triển của đất nước.
- Các nước Đông Á đã thực thi chính sách tốt hơn so với những nước khác trong việc huy động nguồn lực và kích thích đầu tư công lẫn đầu tư tư nhân

Khái quát về khủng hoảng ở các nước đang phát triển Đông Á

- Cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu tháng 7/1997 là một sự kiện kinh tế quan trọng nhất của Đông Á
- Đây là một cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu từ Thái Lan rồi ảnh hưởng đến các thị trường chứng khoán, trung tâm tiền tệ lớn, và giá cả của những tài sản khác ở vài nước châu Á
- Trước khủng hoảng, thể chế kinh tế của các nước Đông Á đang ở trong một giai đoạn chuyển đổi sâu sắc và toàn diện từ mô hình kiểu cũ hướng về chủ nghĩa thị trường tự do theo những khuyến nghị của “Đồng thuận Washington”.

Khủng hoảng ở các nước đang phát triển Đông Á

- * Indonesia, Hàn Quốc và Thái Lan là những nước bị ảnh hưởng mạnh nhất bởi cuộc khủng hoảng này.
- * Hồng Kông, Malaysia, Lào, Philippines cũng bị ảnh hưởng bởi sự sụt giá bất thành lĩnh.

- * Phơi bày những yếu kém của cả hai mô hình: mô hình kinh tế tự bản can thiệp kiểu Đông Á và mô hình “ Đồng thuận Washington”, vận dụng lý thuyết máy móc kinh tế học tân tự do vào các nước đang phát triển.
- * Cuộc khủng hoảng Đông Á là cuộc khủng hoảng về mô hình thể chế phát triển, dù những nguyên nhân thể chế chưa hẳn là trực tiếp gây khủng hoảng.

Khủng hoảng ở Đông Á- Nguyên nhân về thể chế.

- Thể chế trong quản lý công ty
- Thể chế tài chính
- Thể chế quản lý vĩ mô, dân chủ phát triển kinh tế
- Một số nhận xét chung

Khủng hoảng 1997 làm thay đổi những đánh giá tích cực về vai trò và đóng góp của các tập đoàn vào phát triển kinh tế ở Đông Á

Mô hình kim tự tháp, đầu tư chéo tạo ra rủi ro hệ thống

Gây ra “Cuộc khủng hoảng nợ” của khu vực kinh tế tư nhân

Quyền lực kinh tế lớn → tha hóa hệ thống kinh tế, chi phối hệ thống kinh tế

Quyền lực kinh tế tập đoàn gây ảnh hưởng lớn đến quyết định chính phủ

Cơ chế quản lý kém, dễ đưa ra quyết định đầu tư liều lĩnh và chèn ép cổ đông thiểu số

Hầu hết các công ty gia đình truyền lại cho đời sau, trình độ của các nhà quản lý chuyên nghiệp không được phát triển

Thể chế tài chính yếu kém là nguyên nhân trực tiếp

THỂ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ VĨ MÔ, DÂN CHỦ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

- Luật pháp thiếu đồng bộ và thiếu minh bạch tạo nên hiện tượng tham nhũng giới chức chính phủ và doanh nghiệp
- Cuộc khủng hoảng đã phản ánh những thiếu sót căn bản của sự quản lý yếu kém.
- Thiếu sự phân chia rõ ràng giữa các lợi ích công và tư
- không thiết lập được một khuôn khổ pháp lý rõ ràng để có thể ngăn ngừa những hoạt động tùy tiện của các quan chức
- Sự gắn bó giữa chính phủ và doanh nghiệp trong việc hoạch định và thực hiện chính sách công nghiệp tạo nên nhiều sự bóp méo nghiêm trọng trên thị trường.

- Một thất bại nghiêm trọng về thể chế ở Đông Á là những xung đột nội bộ trong cơ chế quản lý gây ra bởi quá trình dân chủ hóa chính trị và tự do hóa thị trường
- Trong các khối của thể chế: “các luật lệ”, “cơ chế thực thi”, “hệ thống các tổ chức”, chỉ cải cách về luật lệ, là phần dễ thay đổi nhất, tạo lên sự cải cách không đồng bộ, không có tác dụng như mong muốn trong đời sống

Bài học kinh nghiệm về xây dựng thể chế từ các quốc gia Đông Á (1)

- Không quá nhấn mạnh thực hành kế hoạch lý tưởng mà bỏ qua yếu tố địa phương và chi phí.
- Các yếu tố quan trọng nhất của quyền sở hữu là kiểm soát các quyền hơn là tập trung vào chế độ sở hữu.
- Các thể chế nên tập trung vào phòng ngừa rủi ro, thảm họa
- Có sự đa dạng về mô hình thể chế, và chúng khác nhau không chỉ giữa các quốc gia mà còn trong nước theo thời gian
- Các thể chế cần giữ cho ổn định kinh tế vĩ mô.

Bài học kinh nghiệm về xây dựng thể chế từ các quốc gia Đông Á (2)

- Thể chế của một quốc gia không thể thoát rời khỏi lịch sử của quốc gia đó. Các ngữ cảnh khác nhau đòi hỏi các giải pháp khác nhau để giải quyết các vấn đề có vẻ giống nhau.
- Các thể chế thị trường nên thắt chặt kỷ luật và sự can thiệp của chính phủ nhưng không nên hạn chế quyết định điều hành kinh tế của chính phủ.
- Cải cách thể chế cần phải được chọn lọc và tập trung vào những hạn chế của sự phát triển kinh tế hơn là tiếp cận cứng nhắc theo các tư vấn và gợi ý cải cách từ bên ngoài.

CẢI CÁCH THỂ CHẾ Ở CÁC NƯỚC CÓ NỀN KINH TẾ ĐANG CHUYỂN ĐỔI

- Thời gian: những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI.
- Các nước Trung và Đông Âu từng bước xóa bỏ các thể chế kinh tế kế hoạch cũ và dần dần chuyển sang thể chế kinh tế thị trường: mô hình tư bản chủ nghĩa.
- Hầu hết các nước tập trung cải cách:
 - - Chế độ sở hữu, chế độ phân phối.
 - - Doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu vực tư nhân.
 - - Thể chế tài chính (tiền tệ và hệ thống ngân hàng).
 - - Thể chế thương mại, hải quan.
 - - Thể chế hành chính.
 - - Thể chế thuộc khu vực xã hội.

2. Tác động của cải cách đến hiệu quả kinh tế

- Chất lượng thể chế:
- Chỉ số chất lượng thể chế (Institutional Quality = IQ) bao gồm 5 chỉ số có thang dao động từ -20 tới +20 (giá trị càng cao thì chất lượng càng cao): Trách nhiệm giải trình, Hiệu lực chính phủ, Chất lượng luật lệ, Nhà nước pháp quyền và cuối cùng là Kiểm soát tham nhũng để đánh giá chất lượng thể chế của các nước.

2. Tác động của cải cách thể chế đến hiệu quả kinh tế

Bảng chất lượng thể chế của các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi

Nguồn: Weder (2000)

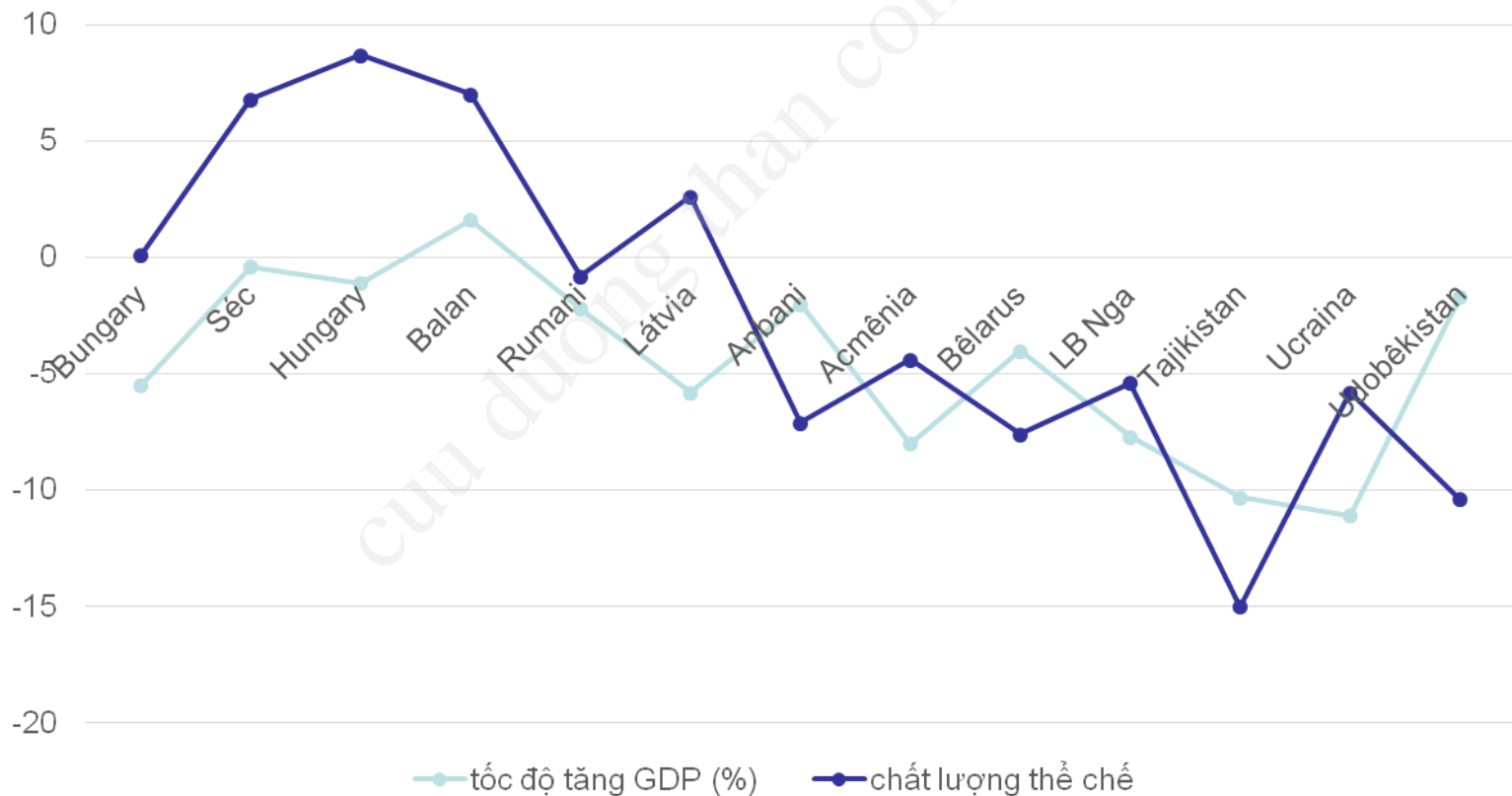
Nhóm có IQ cao nhất	Nhóm có IQ cao thứ hai	Nhóm có IQ cao ở giữa	Nhóm có IQ cao ở giữa	Nhóm có IQ thấp nhất
Ba Lan Estônia Hungary Séc Slôvênia	Bungary Croátia Látvia Lýtvia Rumani Slôvakia	Anbani Acmêni Gioócgia Kazăctan Kirghidistan Mácxêđônia Mônđôva Nga Ucraina	Azécbaijan Bêlarus Tuócmênistan Udobêkistan	Tajikistan

Chất lượng thể chế với hiệu quả kinh tế

- Để nghiên cứu tác động của chất lượng thể chế tới hiệu quả kinh tế, IMF đã xem xét mối liên quan giữa các điều kiện thể chế với tăng trưởng kinh tế và lạm phát.
- IMF đã sử dụng 3 chỉ số về các điều kiện thể chế, bao gồm: Chỉ số về các điều kiện ban đầu, Chỉ số tự do hóa, Chỉ số chất lượng thể chế (Institutional Quality – IQ).

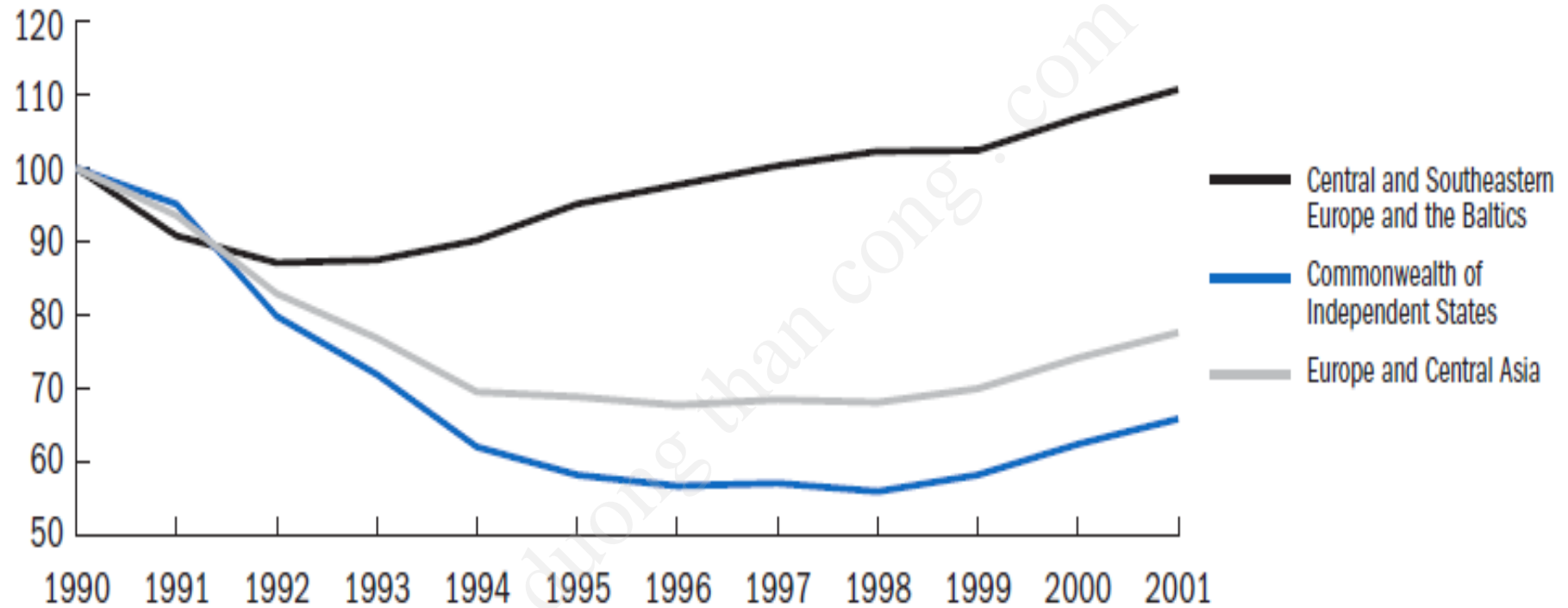
Chất lượng thể chế với tăng trưởng kinh tế các nước đang chuyển đổi

chất lượng thể chế với tốc độ tăng trưởng của các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi (1990-1997)



Changes in Real Output, 1990–2001

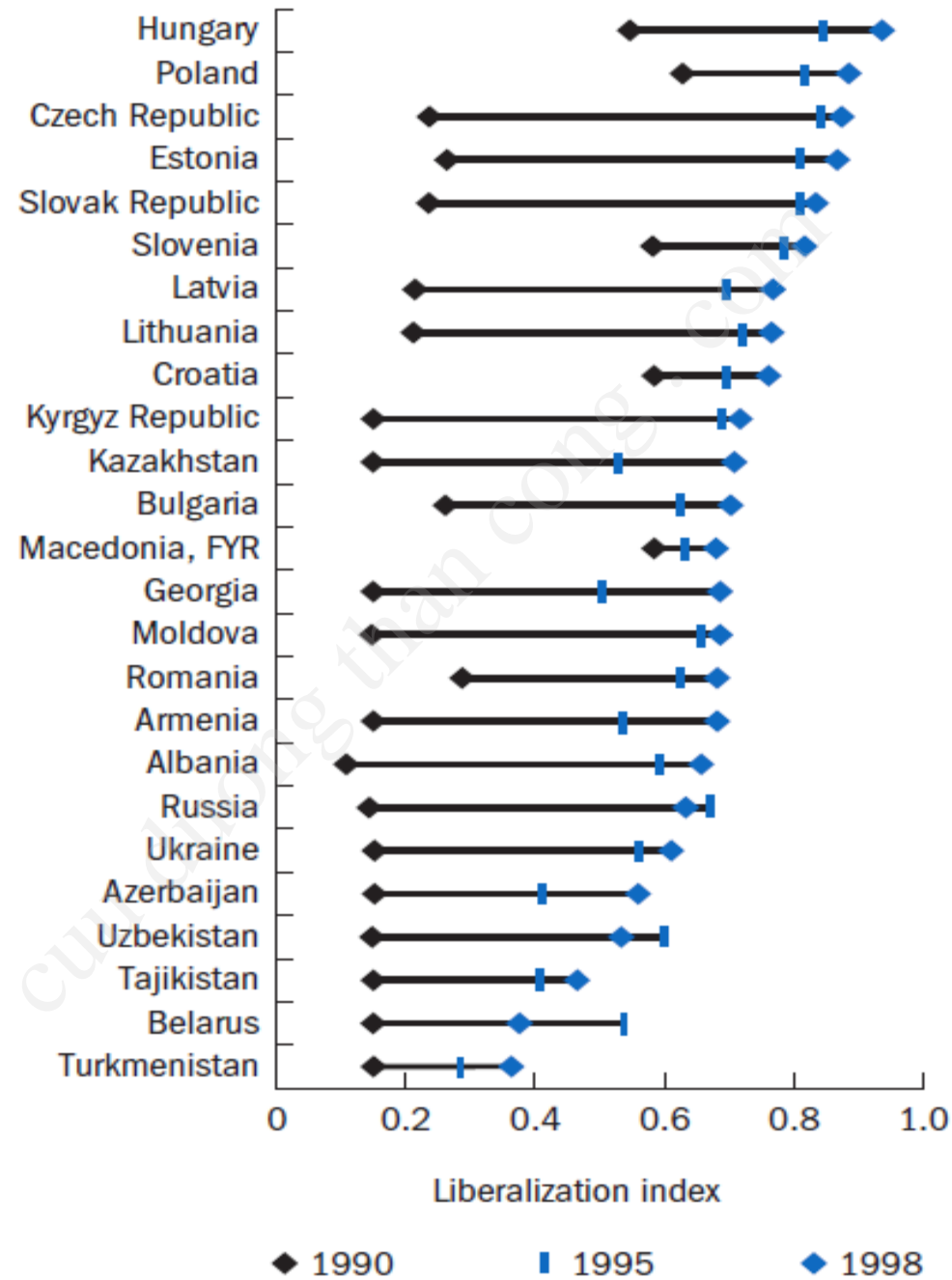
Index (1990 = 100)



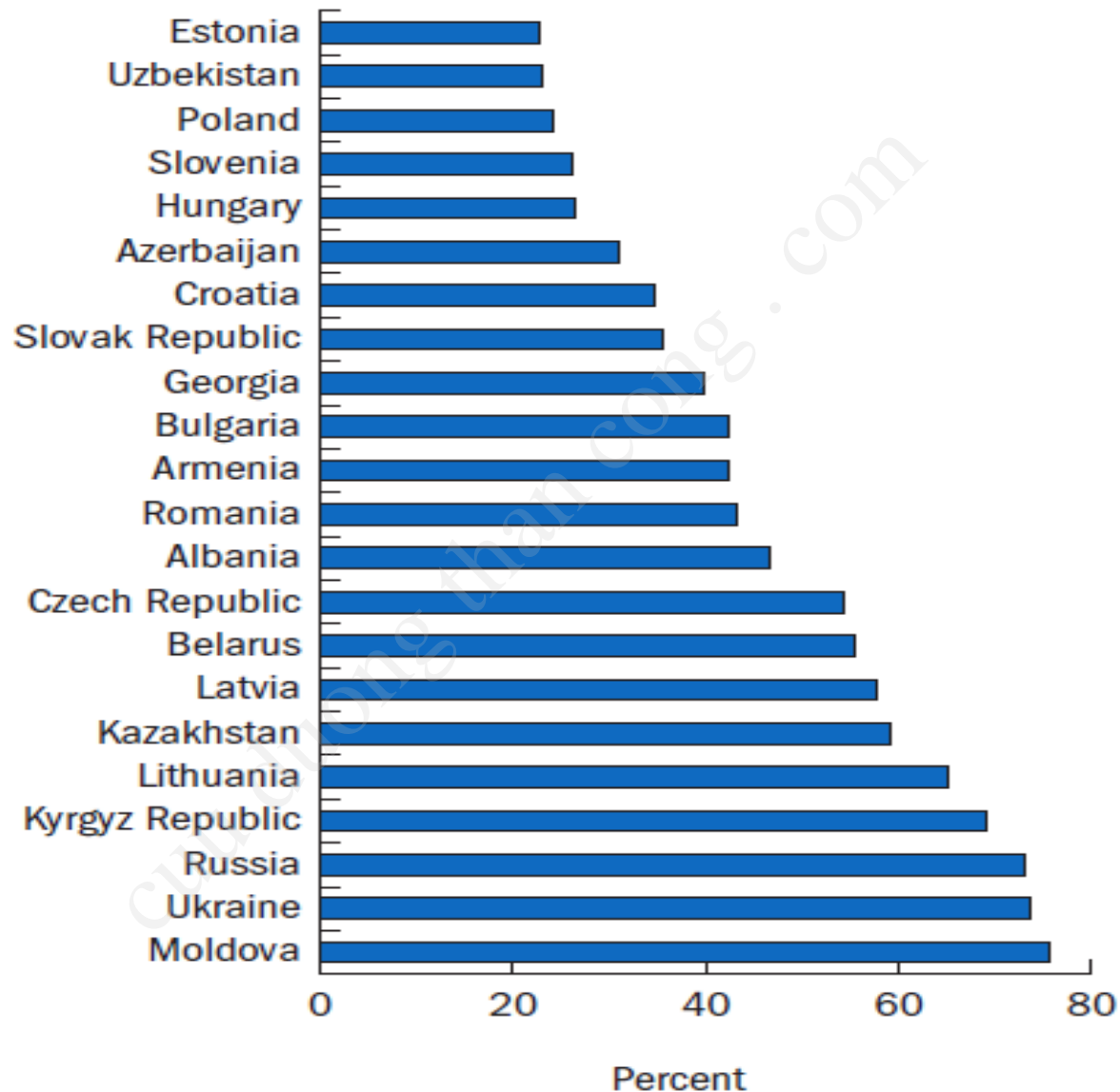
Note: Europe and Central Asia is the average of the CSB and the CIS. All aggregates are population-weighted. Values for 2001 are projected.

Source: World Bank country office data.

Progress in Policy Reform, 1990s



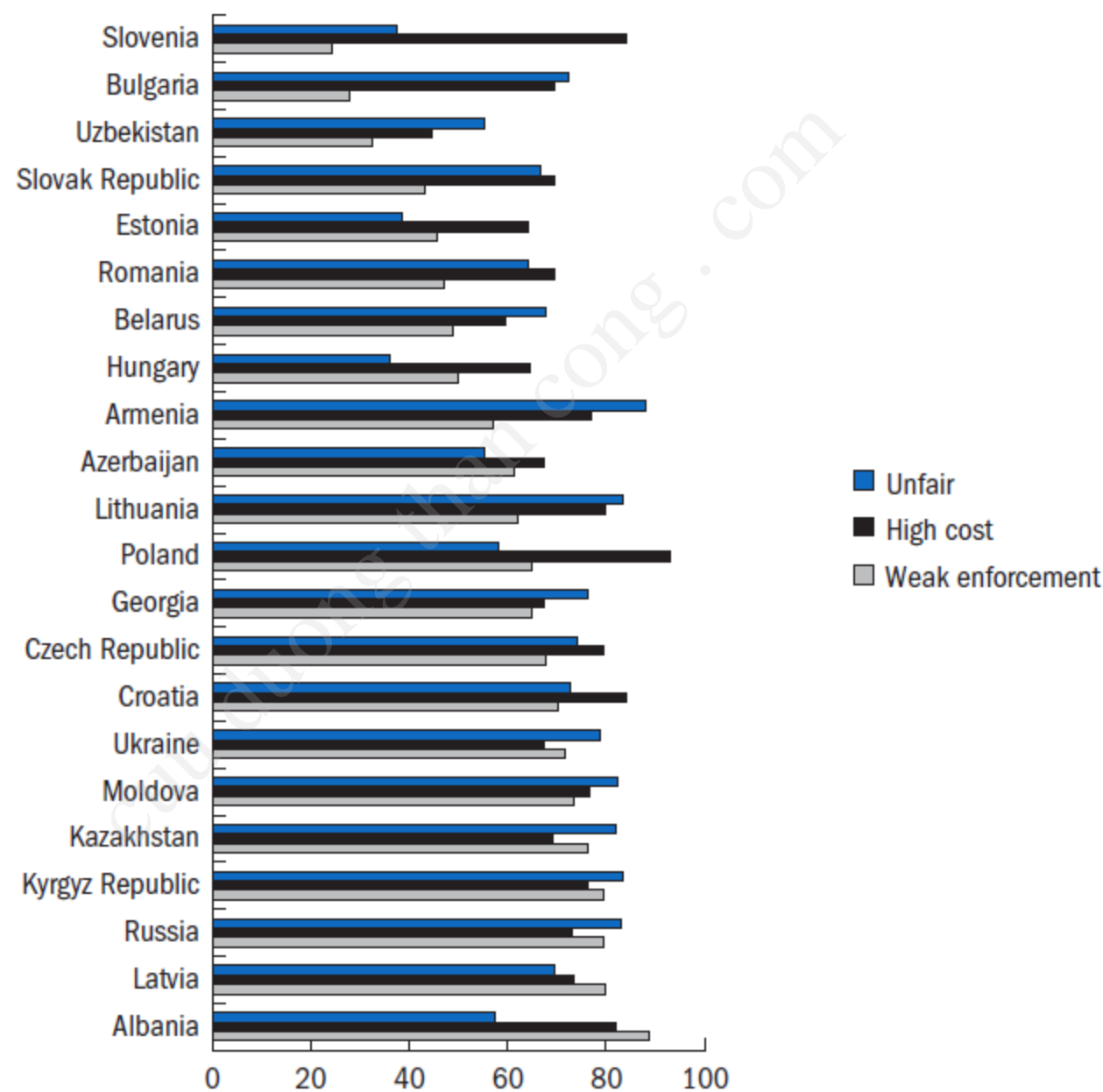
Insecurity of Property Rights in Transition Economies, 1999



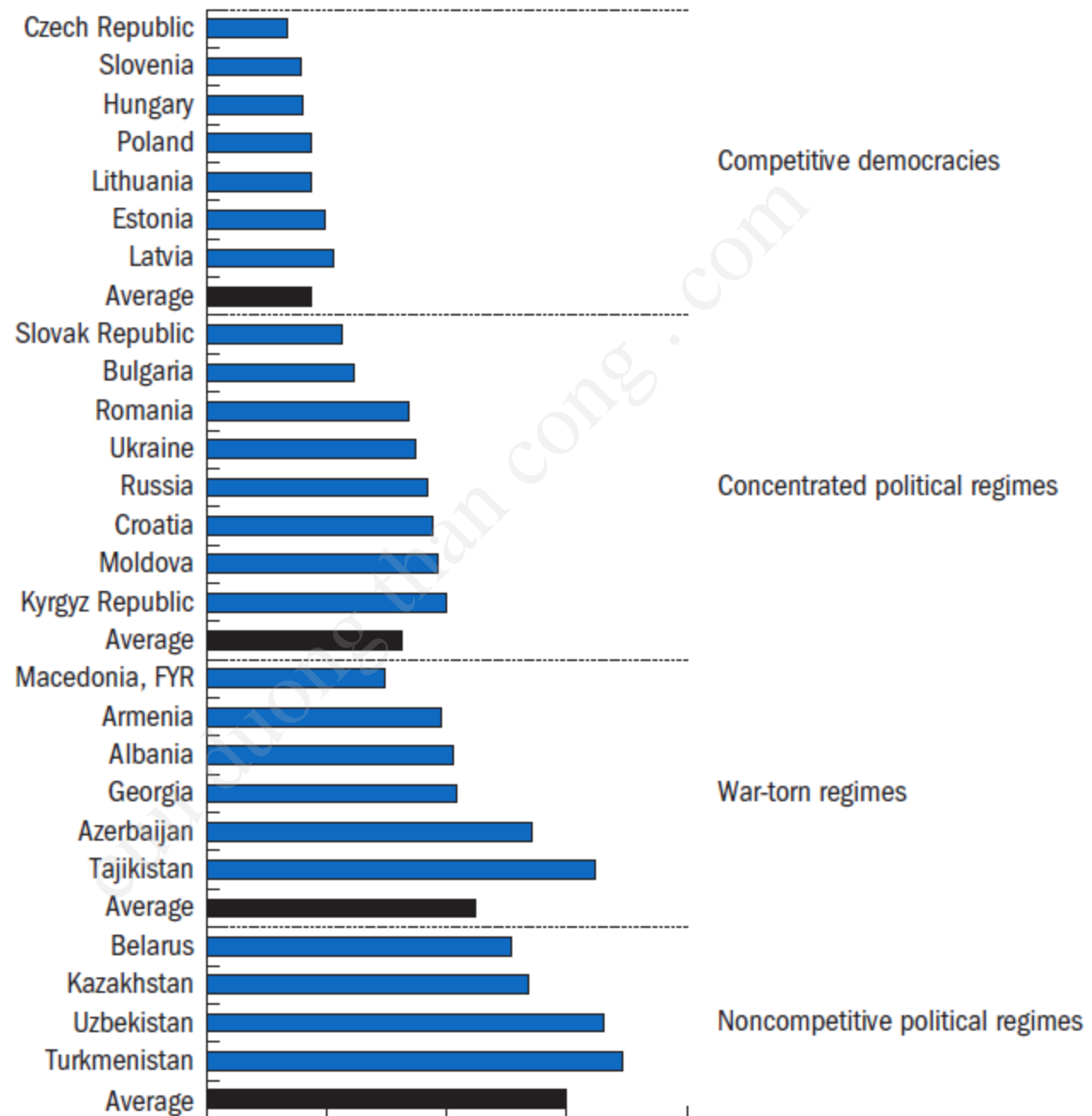
Source: EBRD (2000).

Quality of Judiciary in Transition Economies

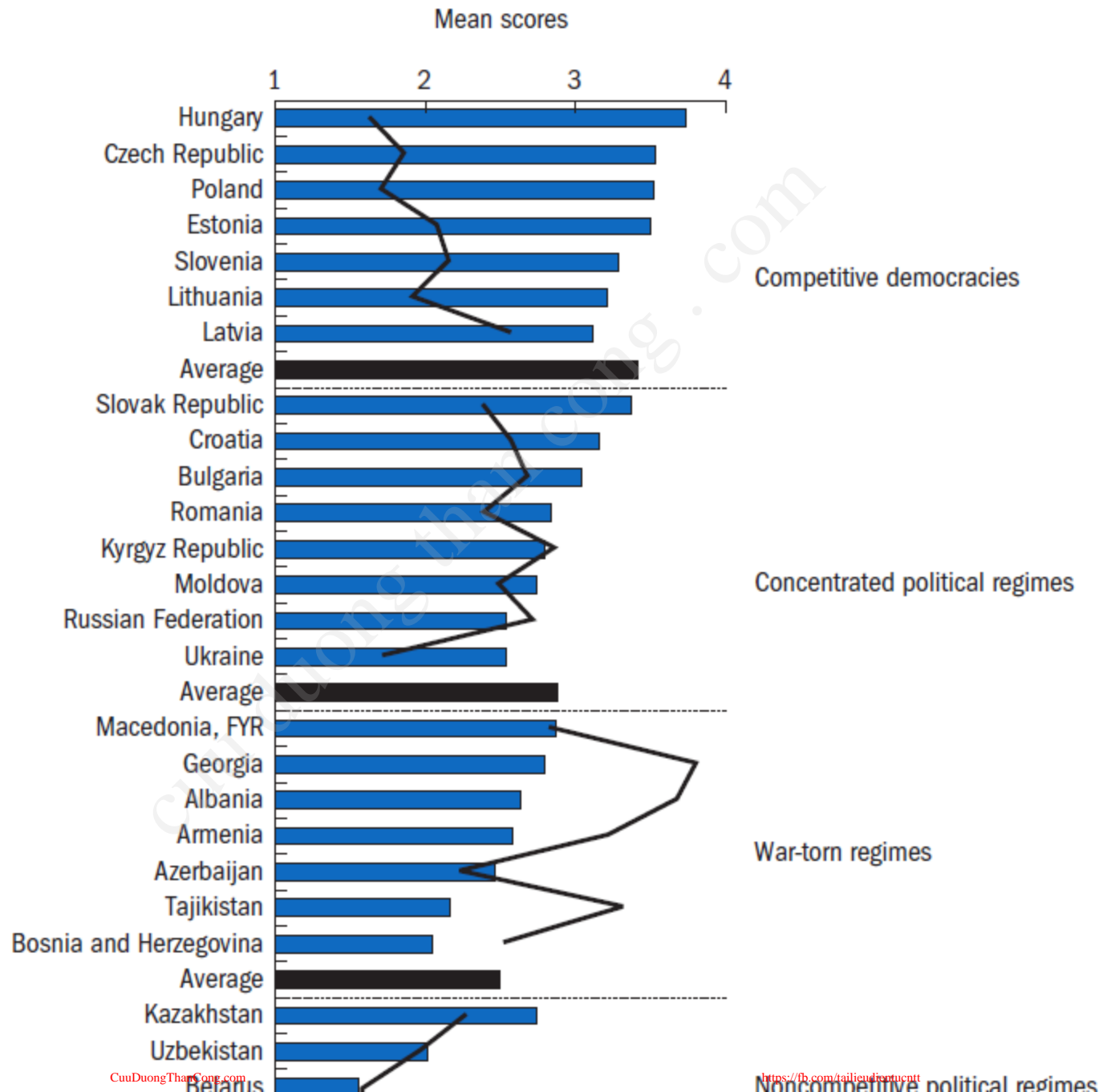
(percentage of enterprises that complain that courts sometimes, seldom, or never exhibit positive qualities when resolving business disputes)



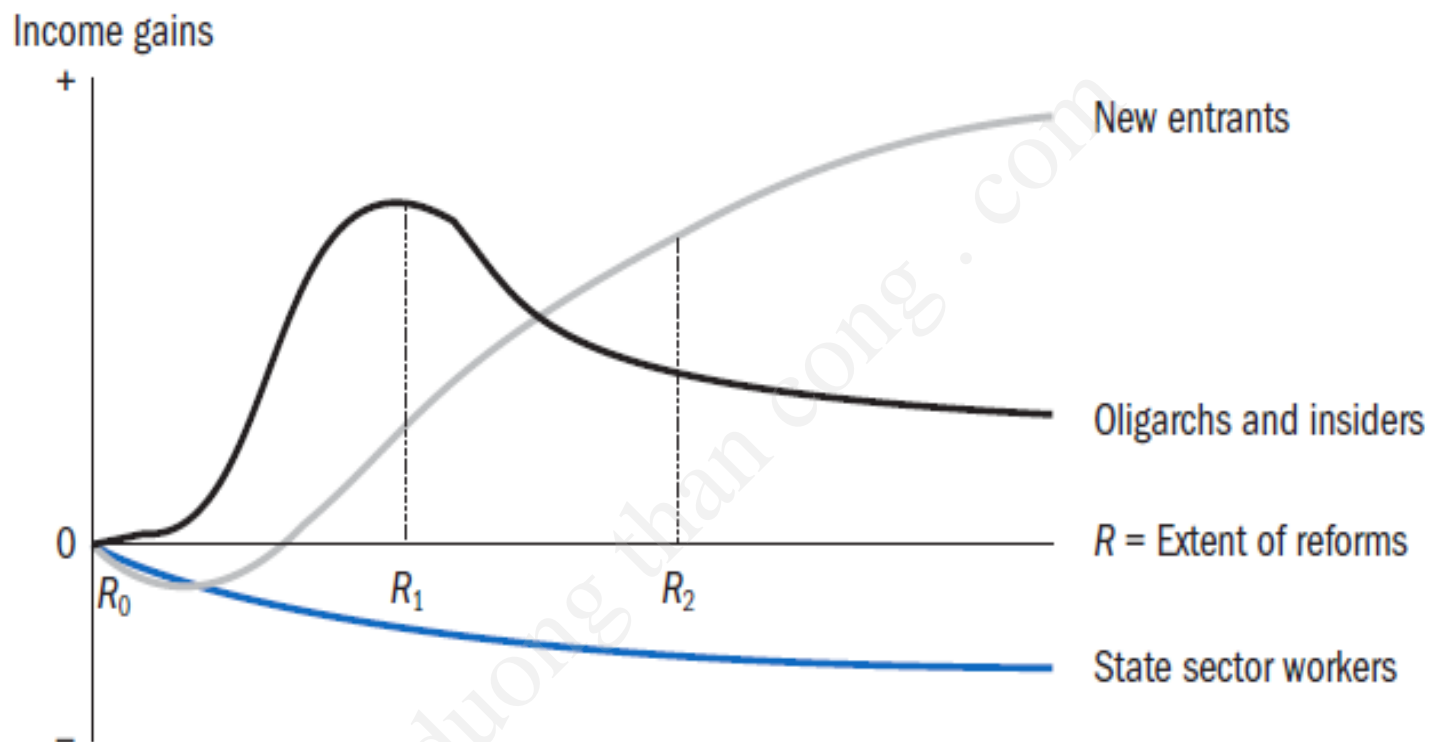
Classifying Political Systems in Transition Economies, 1990–99



Political Systems and Economic Reform Outcomes, 2000



Winners and Losers from Reform



Note: R_0 = no reforms; R_1 = point at which income gains of oligarchs and insiders are maximized; R_2 = level of reforms that allows the winners of reforms beyond R_1 (new entrants) to compensate for or exercise enough political pressure to neutralize the resistance of oligarchs, insiders, and state sector workers.

Chiến lược xây dựng thể chế kinh tế thị trường tốt

- Chấp nhận sự đa dạng về thể chế: không có một loại hình thể chế thị trường duy nhất, chỉ là loại được tương thích với nền kinh tế thị trường hoạt động tốt.
- Một mục tiêu kinh tế cụ thể có thể đạt được thông qua một số mô hình thể chế khác nhau,
- Các thể chế cần phải được phát triển tại địa phương, dựa vào kinh nghiệm thực tại địa phương, đặc biệt là các kiến thức truyền thống và thử nghiệm.
 - Các thể chế cần được phát triển thông qua cơ chế chính trị có sự tham gia của dân chúng

Chiến lược xây dựng thể chế kinh tế thị trường tốt (2)

- Bước 1- Phân tích Tăng trưởng: tìm ra những hạn chế về tăng trưởng kinh tế
- Bước 2-Thiết kế chính sách: sáng tạo và thiết kế chính sách mục tiêu hướng tới khắc phục các hạn chế tăng trưởng.
- Bước 3- cải cách thể chế: xây dựng các thể chế cần thiết để đảm bảo các chính sách thiết kế ra sẽ được thực hiện một cách hiệu quả và bền vững.

Rodrik, 2006

Chiến lược xây dựng thể chế kinh tế thị trường tốt(3)

- Bước 1: là để tìm những lĩnh vực mà cải cách sẽ mang lại hiệu quả lớn nhất. Một chiến lược phát triển thành công bắt đầu bằng cách xác định những hạn chế ràng buộc thị trường.
- Bước 2: tập trung vào thất bại thị trường và biến dạng thị trường tạo ra bởi các hạn chế ràng buộc được xác định trong bước 1, mục tiêu các phản ứng chính sách là khắc phục sự bóp méo biến dạng của thị trường.
- Bước 3: để duy trì tăng trưởng hai loại cải cách thể chế quan trọng: duy trì hiệu quả sản xuất và quản lý xung đột, rủi ro.

Phát triển Vai trò của Chính phủ

- Đồng thuận Washington (chủ nghĩa tự do mới): tự do hóa thị trường là cách tốt nhất để phát triển nền kinh tế
- Chính phủ nên tạo và duy trì:
 - miễn phí thị trường,
 - chống tham nhũng khu vực công cộng
 - Phi tập trung, nền dân chủ tham gia.

Phát triển Vai trò của Chính phủ

Dựa trên kinh nghiệm thực chứng:

- Hầu như tất cả các nước đang phát triển đã được bảo hộ trong giai đoạn đầu phát triển bao gồm các nước Đông Á: Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc
- Kinh nghiệm từ các nền kinh tế chuyển đổi trong năm 1990: các nền kinh tế chuyển đổi từ từ có mức độ tăng trưởng cao và ổn định hơn các nền kinh tế áp dụng WC.

Phát triển Vai trò của Chính phủ

“Nhà nước Phát triển chỉ đạo lập kế hoạch kinh tế vĩ mô, nhà nước có quyền lực, độc lập hơn, hoặc tự trị chính trị, cũng như kiểm soát nhiều hơn đối với nền kinh tế. Một nhà nước phát triển có đặc điểm là có sự can thiệp của nhà nước mạnh, cũng như triển khai các quy định và quy hoạch; can thiệp trực tiếp hơn trong nền kinh tế thông qua nhiều phương tiện để thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành công nghiệp mới và giảm lệch gây ra bởi sự thay đổi trong chuyển dịch đầu tư từ cũ sang mới”

Johnson, 1982

Phát triển Vai trò của Chính phủ

“Các thách thức trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia là kết hợp các nguyên tắc lợi thế so sánh và nguyên tắc nhập khẩu thay thế. Chiến lược chính sách kinh tế không như người ta thường cho rằng, bảo vệ lợi ích phổ thông, mặc dù kinh tế học tân cổ điển ủng hộ tự do thương mại, nó quy định thương mại tự do, bảo hộ và trợ cấp trong các kết hợp khác nhau tùy theo hoàn cảnh của một quốc gia và mức độ công nghiệp hóa của quốc gia đó .

Wade năm 2003

Ba câu hỏi của tất cả các nền kinh tế và Phương án trả lời

- Quyết định được thực hiện theo các giá trị và phong tục truyền thống?
- Chính phủ quyết định bởi một kế hoạch trung ương? nền kinh tế chỉ huy và thị trường không có vai trò?
- Thị trường quyết định bởi tương tác cung – cầu. Đó hoàn toàn là nền kinh tế thị trường tự do và chính phủ không có vai trò gì cả.
- Cả hai thị trường và chính phủ đều đóng vai trò quyết định. Đó là một nền kinh tế hỗn hợp.

Tại sao Chính phủ phải can thiệp?

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường đã trở thành tất yếu ở tất cả các quốc gia.
- Thị trường sẽ không thể hoạt động nếu chính phủ không cung cấp một khuôn khổ thể chế cho tất cả các giao dịch của thị trường.
- Thất bại thị trường đòi hỏi sự can thiệp của chính phủ để giải quyết.

Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại

- cung cấp khung khổ pháp lý
- sản xuất hàng hoá và dịch vụ
- quy định và trợ cấp sản xuất
- mua hàng hoá và dịch vụ
- phân phối lại thu nhập

Cung cấp khung khổ pháp lý

- Thể chế xác lập Thị trường : tạo thuận lợi cho sự gia nhập thị trường, bảo vệ quyền sở hữu và thực thi hợp đồng
- Thể chế điều tiết Thị trường: chính sách thu hút đầu tư, chính sách chống cạnh tranh không lành mạnh
- Thể chế ổn định Thị trường: đảm bảo lạm phát thấp, giảm thiểu biến động kinh tế vĩ mô, ngăn chặn các cuộc khủng hoảng tài chính.
- Thể chế đảm bảo cho Thị trường: cung cấp sự bảo vệ xã hội và bảo hiểm, phân phối lại thu nhập, quản lý các xung đột